

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2021/HS-ST
Ngày: 28 - 9 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Rật.

2. Bà Dương Thị Vui.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2021/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2021 đối với:

Bị cáo: Bùi Văn M - Sinh năm 1980 tại tỉnh Nam Định;

Nơi cư trú: Đội 11 S, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nam; con ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1945, đã chết năm 2008 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1949, hiện cư trú tại Đội 11, S, xã H, huyện N, Nam Định; có vợ là Trần Thị S, sinh năm 1980. Hiện đang cư trú tại Đội 11, S, xã H, huyện N, Nam Định; con: Có 3 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/01/2015, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xử phạt 3 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”. Ngày 19/01/2016, M chấp hành xong thời gian thử thách là 12 tháng. Tháng 03/2015, M nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Bùi Văn M bị bắt tạm giữ từ ngày 22/6/2021 đến ngày 01/7/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Ninh Văn T – Sinh năm: 1970;
Nơi cư trú: Đội 11, S, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; có mặt.
 2. Bà Lê Thị O – Sinh năm 1968;
Nơi cư trú: Đội 11, S, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; có mặt.
- * Người làm chứng:*
1. Chị Trần Thị S – Sinh năm: 1980; vắng mặt.
 2. Anh Đinh Tuấn A – Sinh năm: 1993; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ ngày 21/6/2021; tại hồ câu cá Ninh T của anh Ninh Văn T, sinh năm 1970, ở Đội 11, S, xã H, huyện N, Nam Định; Bùi Văn M, sinh năm 1980, ở Đội 11, S, xã H, huyện N và anh Ninh Văn T lời qua tiếng lại, cãi chửi nhau, nguyên nhân xuất phát từ việc vay mượn tiền, lấy lãi giữa M và anh T. Công an xã H đã báo cáo vụ việc đến Công an huyện N giải quyết theo thẩm quyền (BL:7-8). Quá trình điều tra xác định, khoảng 20 giờ ngày 04/02/2021, vợ chồng anh T, chị O đến nhà Bùi Văn M vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích để làm ăn, M đồng ý cho vay. M viết 01 giấy mượn tiền ghi ngày 04/02/2021 với nội dung anh T, chị O vay của M số tiền 100.000.000 đồng, hẹn đến ngày 11/02/2021 trả, 2 bên không thỏa thuận lãi suất. M ký tên vào bên người cho vay, anh T, chị O ký tên vào bên người vay. Sau khi giao nhận tiền xong, M giữ lại giấy mượn tiền. Ngày 11/02/2021, đến ngày hẹn trả tiền nhưng anh T, chị O chưa trả được số tiền gốc 100.000.000 đồng. Lúc này, M và anh T, chị O thỏa thuận lãi suất vay là 7.000 đồng/1.000.000 đồng /1 ngày tương đương với 21.000.000 đồng/100.000.000 đồng/1 tháng, nhưng 2 bên thỏa thuận lấy tròn 20.000.000 đồng/100.000.000 đồng/1 tháng tương đương 6.667 đồng/1 triệu/1 ngày. M viết 1 giấy mượn tiền ghi ngày 11/02/2021, với nội dung M cho anh T, chị O vay 120.000.000 đồng, thời hạn vay tính từ ngày 04/02/2021 đến ngày 05/3/2021. Số tiền 120.000.000 đồng anh T, chị O vay M trong đó có 100.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi của tháng thứ nhất (tính từ ngày 04/02/2021 đến ngày 05/3/2021).

Đến ngày 03/3/2021, vợ chồng anh T, chị O đã trả cho M số tiền 20.000.000 đồng tiền lãi của tháng thứ nhất. Do M đang đi làm ăn xa nên M đã hướng dẫn cho vợ là chị Trần Thị S viết hộ M 01 giấy vay mượn tiền ghi ngày 03/3/2021, với nội dung M tiếp tục cho anh T, chị O vay của M số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn vay tính từ ngày 06/3/2021 đến ngày 04/4/2021. Số tiền 120.000.000 đồng anh T,

chị O vay M trong đó có 100.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi của tháng thứ 2 (tính từ ngày 06/3/2021 đến ngày 04/4/2021).

Đến ngày 03/04/2021, vợ chồng anh T, chị O đã trả cho M số tiền 20.000.000 đồng tiền lãi của tháng thứ 2 nhưng vẫn chưa trả được 100.000.000 đồng tiền gốc. Vợ chồng anh T, chị O xin M giảm lãi xuống còn 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 15.000.000 đồng/100.000.000 đồng/1 tháng. M đồng ý và viết 01 giấy vay mượn tiền ghi ngày 03/4/2021 với nội dung M cho anh T, chị O vay của M số tiền 115.000.000 đồng, thời hạn vay tính từ ngày 05/4/2021 đến ngày 04/5/2021. Số tiền 115.000.000 đồng anh T, chị O vay M trong đó có 100.000.000 đồng tiền gốc và 15.000.000 đồng tiền lãi của tháng thứ 3 (tính từ ngày 05/4/2021 đến ngày 04/5/2021). Sau đó, đến ngày 04/5/2021, anh T, chị O trả 15.000.000 đồng tiền lãi cho M. Lần này, M không viết giấy vay nợ. Từ 04/5/2021 đến nay, vợ chồng anh T, chị O không trả lãi cho M và còn nợ M 100.000.000 đồng tiền gốc. (Bút lục: 48-82; 84-100; 101-110).

Ngày 21/6/2021, chị Trần Thị S (là vợ của Bùi Văn M), sinh năm 1980, ở đội 11 S, xã H tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N 01 tờ giấy ô ly, kích thước 24x16,5 cm, bên trong có 3 mặt giấy ghi giấy mượn tiền ngày 11/02/2021, 03/3/2021, 03/4/2021, bên vay là anh Ninh Văn T, vợ là Lê Thị O, sinh năm 1968, bên cho vay là Bùi Văn M và 01 tờ giấy ô ly, kích thước 24 x 16,5 cm, ghi giấy mượn tiền ngày 04/02/2021, bên vay là anh Ninh Văn T, vợ là Lê Thị O, bên cho vay là Bùi Văn M. Ngày 29/6/2021, chị Trần Thị S tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N số tiền 55.000.000 đồng, là tiền lãi Bùi Văn M thu của vợ chồng anh T, chị O trong thời gian 3 tháng. (BL: 116-117; 119-121)

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Bùi Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và khai nhận: Ngày 04/02/2021 vợ chồng anh Ninh Văn T, chị Lê Thị O có đến nhà bị cáo hỏi vay “nóng” bị cáo số tiền 100.000.000 đồng hẹn đến ngày 11/02/2021 sẽ trả, hai bên đã viết giấy biên nhận với nhau và không có lãi suất. Đến hẹn vợ chồng anh T chị O không trả cho bị cáo. Do không có tiền để trả cho thợ nên bị cáo đã phải đi vay của người quen là anh Bùi Văn Ph, sinh năm 1995 ở Đội 6 xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định 100.000.000 đồng để cho thợ và tính lãi suất với vợ chồng anh T chị O, vợ bị cáo là chị Trần Thị S không biết.

Như vậy, từ ngày 04/02/2021 đến ngày 04/5/2021, Bùi Văn M đã cho vợ chồng anh Ninh Văn T, chị Lê Thị O vay 100.000.000 đồng tiền gốc, lãi suất tháng thứ nhất và tháng thứ 2 là 6.667 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 20.000.000

đồng/100.000.000 đồng/1 tháng, tương đương 240%/năm, gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định mức lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay). M và vợ chồng anh T, chị O thỏa thuận lãi suất tháng thứ 3 là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 15.000.000 đồng/100.000.000 đồng/1 tháng tương đương 180%/năm, gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; mục đích để thu lợi bất chính. Tổng số tiền lãi anh T, chị O đã trả cho M là 55.000.000 đồng, trong 03 tháng vay. Số tiền M thu lợi bất chính là: 55.000.000 đồng – ((100.000.000 đồng : 12 tháng x 20%) x 3) = 50.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 61/CT-VKS ngày 30/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo về “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Bùi Văn M từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo; Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự để xử lý vật chứng của vụ án; Đề nghị áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay qua xét hỏi và tranh luận bị cáo Bùi Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vợ chồng anh Ninh Văn T, chị Lê Thị O có quan điểm: Lời khai của bị cáo M là đúng sự thật đầu tiên anh T chị O vay “nóng” của bị cáo M không có lãi suất nhưng sau đó do không trả được cho bị cáo lúc đó hai bên mới thỏa thuận lãi suất với nhau và mọi thỏa thuận chỉ có anh T chị O với bị cáo M với nhau còn chị S vợ bị cáo M không biết. Nay anh chị xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Từ ngày 04/02/2021 đến ngày 04/5/2021, Bùi Văn M, sinh năm 1980 đã cho vợ chồng anh Ninh Văn T, sinh năm 1970, chị Lê Thị O, sinh năm 1968, cùng ở Đội 11 S, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định vay 100.000.000 đồng tiền gốc; lãi suất tháng thứ nhất và tháng 2 là 6.667 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 20.000.000 đồng/100.000.000 đồng/1 tháng, tương đương 240%/năm, gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015 (Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định mức lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay); lãi suất tháng thứ 3 là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 15.000.000 đồng/100.000.000 đồng/1 tháng tương đương 180%/năm, gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015; mục đích để thu lợi bất chính. Tổng số tiền Bùi Văn M thu lợi bất chính là 50.000.000 đồng. Đối chiếu với quy định của Bộ luật Hình sự thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo Bùi Văn M đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Nên quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi của bị cáo còn làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn do phải trả lãi cao, làm ảnh hưởng đến công tác phòng chống các tệ nạn xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm minh là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự có phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm. Xét thấy hoàn cảnh kinh tế của bị cáo còn khó khăn đã được UBND xã H xác nhận, do vậy áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung (Phạt tiền): Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người có điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5] Đối với 01 tờ giấy ô ly, kích thước 24x16,5 cm, bên trong có 3 mặt giấy ghi giấy mượn tiền ngày 11/02/2021, 03/3/2021, 03/4/2021 và 01 tờ giấy ô ly, kích thước 24 x 16,5 cm, ghi giấy mượn tiền ngày 04/02/2021 là vật chứng cần tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

[6] Về các biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền gốc bị cáo dùng để cho vay là 100.000.000 đồng là tiền để thực hiện tội phạm nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vợ chồng anh Ninh Văn T, chị Lê Thị O chưa trả số tiền gốc nói trên cho bị cáo nên cần buộc anh T chị O nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 55.000.000 đồng là tiền của vợ chồng anh T chị O trả lãi 3 tháng cho bị cáo M, ngày 29/6/2021 chị Trần Thị S (Vợ bị cáo Bùi Văn M) đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, được xử lý như sau: Xét việc trả lại tài sản vượt quá lãi suất 20% cho người vay (Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) là trả lại phần tài sản mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay; người vay không được xác định là bị hại nên khoản tiền này không được xác định là khoản bồi thường thiệt hại về dân sự; là việc Tòa án áp dụng biện pháp tư pháp, không phải là việc giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự; Nên buộc bị cáo M phải trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vợ chồng anh Ninh Văn T, chị Lê Thị O số tiền là 50.000.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành

án. Số tiền 5.000.000 đồng còn lại là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, xác định đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

[7] Đối với chị Trần Thị S, là vợ của Bùi Văn M. Ngày 03/3/2021, M nhờ chị S viết hộ giấy vay mượn tiền nhưng chị S không biết việc M cho vợ chồng anh T, chị O vay với lãi suất như trên. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý đối với Trần Thị S là phù hợp.

[8] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ 123; 131 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

2. Xử phạt bị cáo Bùi Văn M 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo được khấu trừ 09 ngày đã bị tạm giữ, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Bùi Văn M cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nam Định nơi cư trú của bị cáo giám sát giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc vợ chồng anh Ninh Văn T và chị Lê Thị O phải nộp số tiền còn nợ bị cáo là 100.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 55.000.000 đồng chị Trần Thị S (Vợ bị cáo Bùi Văn M) đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo Biên bản giao nhận vật chứng

lập ngày 14/9/2021 giữa Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N, được xử lý như sau: Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vợ chồng anh Ninh Văn T và chị Lê Thị O số tiền là 50.000.000đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. Số tiền 5.000.000 đồng còn lại là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Bùi Văn M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho những người có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã H;
- Ấn văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương